

Số: /QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ
đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy tại Trường Đại học Tân Trào**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào ban hành kèm theo Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTT ngày 29/4/2022, Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTT ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 667/QĐ-ĐHTT ngày 25/8/2021 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 129/QĐ-ĐHTTr ngày 06/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 608A/QĐ-ĐHTTr ngày 15/8/2022 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-ĐHTTr ngày 18/5/2023 của Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành “Quy định đào tạo, thi và cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh cho sinh viên hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 12/9/2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy tại Trường Đại học Tân Trào.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) trưởng các đơn vị có liên quan trong Nhà trường, sinh viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng trường (b/c);
- Lãnh đạo trường;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, ĐT (Hà).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Quỳnh Loan

QUY ĐỊNH
Chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng hệ chính quy tại
Trường Đại học Tân Trào
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTTr ngày tháng năm 2023 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Tân Trào)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy của Trường Đại học Tân Trào theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

2. Đối tượng áp dụng

Văn bản này áp dụng đối với sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy của Trường Đại học Tân Trào.

Chương II
CHUẨN NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

Điều 2. Chuẩn đầu vào ngoại ngữ

Chuẩn đầu vào ngoại ngữ của người học là yêu cầu tối thiểu về trình độ ngoại ngữ mà người học phải đạt được trước khi tham gia học các học phần theo chương trình học chính khóa của chương trình đào tạo. Người học sẽ không được đăng ký các lớp học phần ngoại ngữ của chương trình đào tạo nếu tại thời điểm đăng ký lớp học phần người học chưa đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ.

Điều 3. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của người học là yêu cầu tối thiểu về trình độ ngoại ngữ mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ là điều kiện bắt buộc khi xét công nhận tốt nghiệp đối với người học. Người học sẽ không được xét công nhận tốt nghiệp nếu tại thời điểm xét công nhận tốt nghiệp người học chưa đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

Điều 4. Yêu cầu chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với người học

1. Yêu cầu về chuẩn đầu vào ngoại ngữ

a) Đối với sinh viên hệ cao đẳng: đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ trình độ A1

theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Nhà trường tổ chức thi hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương theo Điều 5 của Quy định này.

b) Đối với sinh viên hệ đại học: đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ trình độ A2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam do Nhà trường tổ chức thi hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương theo Điều 5 của Quy định này.

2. Yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ

a) Trình độ cao đẳng: từ khóa tuyển sinh năm 2022 áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ tối thiểu bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (trình độ A2) hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương theo Điều 5 tại Quy định này.

b) Trình độ đại học: từ khóa tuyển sinh năm 2022, áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (trình độ B1) hoặc có chứng chỉ quốc tế tương đương theo Điều 5 tại Quy định này.

Điều 5. Quy đổi chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận kết quả

1. Tiếng Anh

a) Các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ

- Chứng chỉ IELTS do Hội đồng Anh (British Council), Tổ chức giáo dục quốc tế IDP Education và Tổ chức khảo thí và đánh giá về ngôn ngữ của Đại học Cambridge cấp, tổ chức thi tại Hội đồng Anh và IDP hoặc đơn vị ủy quyền.

- Chứng chỉ TOEIC do viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ ETS cấp, tổ chức thi tại IIG Việt Nam (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết).

- Chứng chỉ TOEFL IBT do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ ETS cấp, tổ chức thi tại IIG Việt Nam.

- Chứng chỉ Cambridge do Tổ chức Cambridge ESOL cấp.

- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các đơn vị trong nước (theo danh sách được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt) tổ chức đánh giá.

b) Bảng quy đổi một số chứng chỉ tiếng Anh theo khung tham chiếu Châu Âu – CEFR:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	IELTS (British Council/IDP Education cấp)	TOEIC		TOEFL IBT	Cambridge English	Cambridge Tests
Bậc 6	C2	8.5 – 9.0	910+	190+(S) 190+(W)	102+	200 – 230	45 -59 CPE 80 – 100 CAE
Bậc 5	C1	7.0 – 8.0	850	170+(S) 165+(W)	80 – 101	180 – 199	60 – 79 CAE 80 – 100 FCE
Bậc 4	B2	5.5 – 6.5	600	140+(S) 130+(W)	61 – 79	160 – 179	60 – 79 FCE 80 – 100 PET
Bậc 3	B1	4.0 – 5.0	450	105+(S) 90+(W)	45 – 60	140 – 159	45 – 59 FCE 65 – 79 PET 90 – 100 KET
Bậc 2	A2	3.0 – 3.5	400	70+(S) 60+(W)	40	120 – 139	45 – 64 PET 70 – 89 KET
Bậc 1	A1	1.0 – 2.5	255	50+(S) 30+(W)	19	100 - 119	45 – 69 KET
		Top score 9	Top score 990 (R+L), 200(S), 200(W)		Top score 120	Pass	Pass

2. Tiếng Trung

a) Các đơn vị thi và cấp chứng chỉ

- HSK do Văn phòng Hán Ban /Tổng Bộ Học viện Khổng Tử cấp.

- Chứng chỉ TOCFL do Bộ Giáo dục Đài Loan cấp.

- Chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Trung) do các cơ sở giáo dục đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đủ điều kiện tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

c) Bảng quy đổi một số chứng chỉ tiếng Trung theo khung tham chiếu Châu Âu -

CEFR cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế	Chứng chỉ HSK		Chứng chỉ TOCFL	
			Cấp độ	Lượng từ vựng	Cấp độ	Lượng từ vựng
Bậc 6	C2	Cấp 6	HSK 6	Hơn 5000	TOCFL 6	Hơn 8000
Bậc 5	C1	Cấp 5	HSK 5	2500	TOCFL 5	8000
Bậc 4	B2	Cấp 4	HSK 4	1200	TOCFL 4	5000
Bậc 3	B1	Cấp 3	HSK 3	600	TOCFL 3	2500
Bậc 2	A2	Cấp 2	HSK 2	300	TOCFL 2	1000
Bậc 1	A1	Cấp 1	HSK 1	150	TOCFL 1	500

3. Các ngoại ngữ khác được cấp bởi các đơn vị tổ chức đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

a) Sinh viên có chứng chỉ một trong các ngoại ngữ: Hàn, Nhật, Nga, Pháp sẽ được Nhà trường công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

b) Các đơn vị tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ sau sẽ được Nhà trường chấp nhận quy đổi:

- Chứng chỉ TOPIK do Viện Giáo dục và Công nghệ Hàn Quốc cấp.

- Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật JLPT do Ủy ban quản lý Japanese-Nattest cấp chứng chỉ (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết); Chứng chỉ NAT-TEST do Ủy ban quản lý Japanese-Nattest cấp.

- Chứng chỉ TORFL (viết tắt theo tiếng Nga là TRKI) do Viện tiếng Nga quốc gia mang tên A.X. Puskin cấp hoặc cấp bởi các trung tâm khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo Liên bang Nga công nhận.

- Chứng chỉ DELF/DALF, TCF (yêu cầu đủ 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết) do Bộ Giáo dục và Đào tạo Pháp cấp.

c) Bảng quy đổi theo khung tham chiếu Châu Âu - CEFR cụ thể như sau:

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Tiếng Hàn	Tiếng Nhật		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	
			Chứng chỉ JLPT	Chứng chỉ NAT-TEST		Chứng chỉ DELF/DAF	Chứng chỉ TCF
Bậc 6	C2	Topik 6	JLPT N1	1Q	TRKI-4	DALF C2	600 – 699
Bậc 5	C1	Topik 5	JLPT N2	2Q	TRKI-3	DALF C1	500 – 599
Bậc 4	B2	Topik 4	JLPT N3	3Q	TRKI-2	DELF B2	400 – 499
Bậc 3	B1	Topik 3	JLPT N4	4Q	TRKI-1	DELF B1	300 - 399
Bậc 2	A2	Topik 2	JLPT N5	5Q	TBU	DELF A2	200 – 299
Bậc 1	A1	Topik 1			TEU	DELF A1	100 - 199

Điều 6. Tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ

1. Những sinh viên chưa đạt chuẩn năng lực theo quy định sẽ không được tham gia đăng ký học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo chính khóa.

2. Sau khi sinh viên nhập học, Nhà trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) theo 2 trình độ quy định tại khoản 1, Điều này. Kết quả kỳ thi là cơ sở để tiến hành phân lớp. Sinh viên không đạt năng lực ngoại ngữ đầu vào theo quy định sẽ phải tham gia lớp học phần bổ sung kiến thức nêu tại Điều 8 và kiểm tra trình độ tiếng Anh vào đợt tiếp theo cho đến khi đạt.

3. Những sinh viên thuộc một trong các trường hợp sau không phải dự kiểm tra đầu vào:

a) Sinh viên có điểm thi tiếng Anh trong kỳ thi THPT/THPTQG đạt từ 7.0 điểm trong vòng 5 năm cho đến thời điểm nhập học.

b) Sinh viên có bằng cử nhân ngoại ngữ hoặc có các chứng chỉ tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác thỏa mãn điều kiện nêu tại Điều 5 còn hiệu lực.

c) Sinh viên đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi tiếng Anh bậc Trung học Phổ thông cấp tỉnh trở lên trong vòng 5 năm cho đến thời điểm nhập học.

4. Căn cứ kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh, Bộ môn Ngoại ngữ phối hợp với

Phòng Đào tạo trình phương án tổ chức phân lớp học phần ngoại ngữ theo chương trình đào tạo chính khóa và chương trình học bổ sung (nếu có) cho sinh viên.

5. Lệ phí tham gia kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào: Sinh viên đóng lệ phí theo quy định của Nhà trường.

Điều 7. Tổ chức học bổ sung đạt chuẩn năng lực đầu vào ngoại ngữ

1. Nhà trường tổ chức các lớp học phần tương ứng với bậc học A1 (dành cho sinh viên hệ cao đẳng), A2 (dành cho sinh viên hệ đại học) là các học phần ngoại ngữ tăng cường được thiết kế ngoài chương trình đào tạo của các ngành cho sinh viên chưa đạt trình độ ngoại ngữ đầu vào theo quy định tại Điều 4.

2. Kết quả thi học phần ngoại ngữ A1 và A2 được sử dụng làm điều kiện tiên quyết để sinh viên đăng ký học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo, không được tính vào kết quả học tập chung của khóa học.

3. Học phí: Theo quy định của Nhà trường.

Điều 8. Công nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ và miễn học phần tiếng Anh

1. Công nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy của Trường Đại học Tân Trào cụ thể như sau:

a) Người học đã có bằng đại học, cao đẳng của chương trình đào tạo được giảng dạy bằng 1 trong các thứ tiếng: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Nhật Bản, tiếng Hàn Quốc và tiếng Trung Quốc được miễn học các học phần ngoại ngữ không chuyên.

b) Có điểm tích lũy (lần 1) đạt điểm A của tất cả các học phần tiếng Anh trong khóa học sẽ được công nhận đạt chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh.

2. Miễn và công nhận giá trị chuyển đổi điểm học phần tiếng Anh

Từ năm học 2023 – 2024, sinh viên hệ đại học, cao đẳng chính quy của Trường Đại học Tân Trào có chứng chỉ IELTS, TOEIC (04 kỹ năng), TOEFL IBT, Cambridge English (Cambridge Assessment cấp) được xét miễn học học phần tiếng Anh và công nhận giá trị chuyển đổi như sau: Sinh viên hệ đại học đạt trình độ tương đương từ bậc 3/6 (B1), sinh viên hệ cao đẳng đạt từ trình độ 2/6 (A2) trở lên được công nhận đạt điểm A (10 điểm) cho tất cả các học phần tiếng Anh trong khóa học.

3. Thời điểm sinh viên nộp chứng chỉ cùng thời điểm nộp hồ sơ nhập học hoặc đầu năm học mới. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ và nộp về phòng Đào tạo sau khi đã kết thúc các học phần tiếng Anh theo lịch trình chương trình đào tạo của khóa học mà sinh viên theo học thì chứng chỉ đó chỉ được dùng để xét

chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, không được sử dụng để xét miễn và công nhận điểm đối với các học phần tiếng Anh đã học trước đó.

4. Các trường hợp đặc biệt Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm của người học

1. Người học có trách nhiệm nghiên cứu và thực hiện theo nội dung của quy định này.

2. Người học đáp ứng các điều kiện về miễn học, công nhận điểm học phần tiếng Anh, chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, nộp đơn đề nghị về Phòng Đào tạo để được Nhà trường xem xét. Đơn phải kèm theo bản sao có chứng thực các chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ. Khi nộp đơn, sinh viên cần xuất trình bản gốc để kiểm tra, đối chiếu.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Phòng Đào tạo

a) Tiếp nhận chứng chỉ ngoại ngữ, đơn đề nghị công nhận chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, đơn đề nghị miễn học phần Ngoại ngữ của người học để làm thủ tục xét miễn học, xét công nhận chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ cho sinh viên theo quy định.

b) Là đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lớp học phần tiếng Anh trình độ A1, A2 và các lớp học phần theo chương trình đào tạo; rà soát, tổng hợp danh sách và trình Hiệu trưởng ký quyết định miễn học ngoại ngữ, công nhận đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

c) Thông báo tới sinh viên và công khai danh sách sinh viên được công nhận đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ, sinh viên được miễn học ngoại ngữ, trên Website của Nhà trường sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng.

d) Quản lý các văn bản và tài liệu liên quan đến việc thực hiện quy định này.

2. Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng

Chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong việc triển khai thực hiện quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên trong Nhà trường.

3. Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ

a) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan xây dựng ngân hàng đề

thi, lập kế hoạch, tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào cho sinh viên tại Trường.

b) Chủ trì xây dựng, giảng dạy chương trình Ngoại ngữ tăng cường cho những sinh viên không đạt chuẩn về đầu vào ngoại ngữ.

c) Tham mưu xây dựng các quy định về tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ cho sinh viên tại Trường theo đúng quy định hiện hành.

d) Kịp thời tiếp nhận, đề xuất các giải pháp trong việc tổ chức đào tạo, đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên khi có vấn đề phát sinh về phòng Đào tạo tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng.

4. Bộ môn Ngoại ngữ

a) Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan trong việc quản lý và tổ chức xét miễn học ngoại ngữ, công nhận điểm, công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ tại Trường theo quy định.

b) Trên cơ sở kết quả kỳ thi đánh giá chuẩn đầu vào ngoại ngữ của sinh viên, phối hợp với Phòng Đào tạo, Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ xây dựng phương án tổ chức phân lớp, lộ trình đào tạo ngoại ngữ theo chương trình đào tạo chính khóa và chương trình học bổ sung (nếu có) cho sinh viên.

c) Phổ biến rộng rãi, cụ thể nội dung quy định này đến sinh viên.

5. Phòng Kế hoạch – Tài vụ

Phối hợp với Trung tâm Tin học – Ngoại ngữ tham mưu xây dựng định mức thu, chi và thực hiện thanh quyết toán cho công tác tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào cho sinh viên, tổ chức giảng dạy học phần ngoại ngữ tăng cường theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường Đại học Tân Trào.

6. Phòng Thanh tra – Pháp chế

Có nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định trong quy trình tổ chức thi, đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ.

7. Các đơn vị có liên quan khác trong Nhà trường

Các đơn vị có liên quan trong Nhà trường có trách nhiệm phối hợp để đảm bảo về nhân lực, điều kiện cơ sở vật chất, công tác bảo vệ, phục vụ cho việc đào tạo, tổ chức thi đánh giá và xét công nhận chuẩn năng lực ngoại ngữ cho sinh viên.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy định chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên hệ đại học, cao đẳng

chính quy tại Trường Đại học Tân Trào có hiệu lực từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện Nhà trường sẽ có sự điều chỉnh phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế của Nhà trường./.